

Số: 129 /NQ-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày 13 tháng 8 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên
Quý II/2019

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-HĐQTCSTB ngày 25/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-HĐQTCSTB ngày 25/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên về việc ban hành Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung) của Công ty CP Cao su Tân Biên;

Căn cứ Biên bản số 128/BB-HĐQTCSTB ngày 30/7/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên,

QUYẾT NGHỊ:

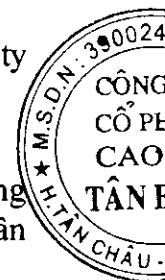
Điều 1. Thống nhất thông qua Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối 2019 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

Điều 2. Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính bán niên riêng năm 2019 được soát xét (từ ngày 01/01/2019 – 30/6/2019) của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

Báo cáo tài chính bán niên riêng năm 2019 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

I. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2019:

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN	30/6/2019	01/01/2019
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	399.506.634.535	569.804.964.838
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	210.030.418.208	355.092.309.404
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	56.000.000.000	31.197.708.333
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	85.710.357.969	88.147.293.102
IV. Hàng tồn kho	42.419.383.290	87.885.154.385
V. Tài sản ngắn hạn khác	5.346.475.068	7.482.499.614
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	991.016.937.807	841.094.981.398
I. Các khoản phải thu dài hạn	0	0
II. Tài sản cố định	48.110.643.713	54.056.502.533
III. Bất động sản đầu tư	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	90.524.987.180	87.498.272.629
V. Đầu tư tài chính dài hạn	847.518.867.157	692.787.474.097
VI. Tài sản dài hạn khác	4.862.439.757	6.752.732.139
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.390.523.572.342	1.410.899.946.236



NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	96.536.878.716	233.029.511.545
I. Nợ ngắn hạn	70.783.455.378	206.579.899.688
II. Nợ dài hạn	25.753.423.338	26.449.611.857
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.293.986.693.626	1.177.870.434.691
I. Vốn chủ sở hữu	1.293.986.693.626	1.177.870.434.691
1. Vốn góp của chủ sở hữu	879.450.000.000	879.450.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.390.523.572.342	1.410.899.946.236

II. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ năm 2019:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	163.108.566.958	193.142.321.615
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	163.108.566.958	193.142.321.615
4. Giá vốn hàng bán	148.939.018.149	172.070.778.010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	14.169.548.809	21.071.543.605
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.465.625.578	3.666.480.670
7. Chi phí tài chính	108.446.857	342.535.705
- Trong đó: Chi phí lãi vay	103.786.367	202.502.706
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết		
9. Chi phí bán hàng	1.692.043.019	1.855.695.477
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.215.046.773	15.463.880.108
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}	6.619.637.738	7.075.912.985
12. Thu nhập khác	161.223.248.486	212.210.966.014
13. Chi phí khác	1.217.605.657	3.242.617.301
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	160.005.642.829	208.968.348.713
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	166.625.280.567	216.044.261.698
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.598.238.437	42.526.783.059
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	131.027.042.130	173.517.478.639

Điều 3. Thống nhất thông qua báo cáo tình hình trích lập, sử dụng quỹ Phúc lợi, khen thưởng đến 30/6/2019.

Mã	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
			Tăng	Giảm	
	Quỹ Khen thưởng phúc lợi				
353	lợi	17.748.998.178	14.972.783.195	18.531.919.500	14.189.861.873
3531	Quỹ Khen thưởng	11.812.990.663	11.886.360.956	13.235.323.500	10.464.028.119
3532	Quỹ Phúc lợi	5.864.422.651	2.956.090.239	5.254.096.000	3.566.416.890
3534	Quỹ thưởng BQLĐH	71.584.864	130.332.000	42.500.000	159.416.864
	Cộng	17.748.998.178	14.972.783.195	18.531.919.500	14.189.861.873

Điều 4. Thống nhất thông qua chủ trương thực hiện việc lập Quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, với một số nội dung chính như sau:

1. Hiện trạng diện tích Quỹ đất trồng cao su của Công ty năm 2019: 6.335,46 ha (trong đó, có diện tích đất giao khoán cá nhân trồng cao su là 133,28 ha).

2. Kế hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất 5 năm (2021-2025): 1.020,50 ha, gồm:

- Chuyển đổi cây trồng khác: Cây nông nghiệp khác (cây nông nghiệp công nghệ cao), cây lâm nghiệp.
- Phát triển Khu dân cư gắn với phát triển khu kinh tế.
- Phát triển ngành nghề khác như: Chăn nuôi, khai thác khoáng sản (mỏ đá), Điện năng lượng mặt trời.
- Giao trả đất về địa phương.

3. Quy hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất giai đoạn 2021-2030:

Tổng diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng là **1.195,73 ha**, gồm:

- Chuyển đổi cây trồng khác: Cây nông nghiệp khác (cây nông nghiệp công nghệ cao), Cây lâm nghiệp.
- Phát triển Khu dân cư gắn với phát triển khu kinh tế.
- Phát triển ngành nghề khác như: Chăn nuôi, khai thác khoáng sản (mỏ đá), Điện năng lượng mặt trời
- Giao trả đất về địa phương.

Giao Ban điều hành triển khai thực hiện lập Kế hoạch và quy hoạch chi tiết, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Thống nhất chủ trương khảo sát xây dựng dự án Điện mặt trời áp mái tại Xí nghiệp cơ khí chế biến để có cơ sở đưa vào kế hoạch SXKD năm 2020.

Điều 6. Thống nhất chủ trương thanh lý tài sản xe ô tô nhãn hiệu Land Cruiser, biển kiểm soát số 70H-5274 (giấy đăng ký mang tên Công ty Cao su Tân Biên), xe hiện đã chuyển cho Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên-Kampong Thom quản lý, sử dụng. Giao người đại diện vốn của Công ty tại Công ty CP Cao su Tân Biên – Kampong thom biểu quyết trong cuộc họp của HĐQT TKR, tổ chức bán đấu giá tài sản thanh lý đúng theo quy định.

Điều 7. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đúng nội dung Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ban KS Cty;
- CĐ Công ty;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Bích Lợi